TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH** Số: 06/2025/QĐST-LĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Bắc Ninh, ngày 03 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa;

***Thư ký phiên họp*:** Bà Nguyễn Hà Anh - Thư ký Toà án;

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên họp*:** Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 06/2025/TLST-VLĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 05/2025/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 01/12/1990;Địa chỉ: Khu A, xã Đ, tỉnh Phú Thọ (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH D; Địa chỉ trụ sở: Lô F KCN Song Khê - N, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Seung G - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thân Thị L- Chức vụ: Nhân viên hành chính- nhân sự theo Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2025 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở V, tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ: Số A, đường D, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S- Chức vụ: Giám đốc (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 3/9/1995; Địa chỉ: Khu F, xã Đ, tỉnh Phú Thọ (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết chị Đặng Thị Thanh H ***trình bày:*** Vào khoảng đầu năm 2013, do điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên chị Nguyễn Thị Thu H1 (chưa đủ 18 tuổi) cần việc làm để kiếm thêm thu nhập phụ giúp kinh tế cho gia đình. Vậy nên, chị H1 đã mượn Chứng minh nhân dân (số 132049207 do Công an tỉnh P cấp ngày 14/6/2007) mang thông tin Đặng Thị Thanh H (đủ 18 tuổi) để xin việc làm. Do

thiếu hiểu biết và chị H1 có hứa với chị là chỉ xin công việc làm thời vụ, không ký Hợp đồng lao động và sẽ không tham gia Bảo hiểm xã hội nên chị đã cho chị H1 mượn Chứng minh nhân dân của chị. Sau đó, chị H1 có sử dụng Chứng minh nhân dân của chị đi xin việc hay không và đã đi xin việc ở đâu thì chị không biết. Chị chỉ cho chị H1 mượn duy nhất một lần đó và chị H1 đã trả lại cho chị.

Đến gần đây khoảng tháng 01/2025, khi chị đến Cơ quan bảo hiểm xã hội để đăng ký đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thì chị được biết chị có 02 Sổ Bảo hiểm xã hội (01 Sổ của chị đang đóng và 01 Sổ khác). Lúc này, chị mới hỏi chị H1 thì được thông tin rằng chị H1 đã sử dụng Chứng minh nhân dân mượn của chị để xin việc làm và ký kết Hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 với Công ty TNHH D (Mã số doanh nghiệp: 2400579963), thời hạn 1 năm, từ ngày 01/5/2013 đến hết ngày 30/4/2014. Thời điểm đó, Công ty TNHH D có trụ sở chính tại Lô F KCN Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, đã chuyển trụ sở chính mới tại Lô F KCN Song Khê - N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Lô F KCN S - N, phường T, tỉnh Bắc Ninh). Công ty TNHH D đã tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng thông tin và Chứng minh nhân dân tên là Đặng Thị Thanh H nhưng thực tế người làm việc tại Công ty TNHH D là chị Nguyễn Thị Thu H1. Ngày 13/02/2014, Công ty TNHH D đã chấm dứt Hợp đồng lao động số 274 theo Quyết định số 274/QĐ-DW V/v Chấm dứt Hợp đồng lao động. Theo đó, Công ty TNHH D đã đóng Bảo hiểm xã hội mang tên Đặng Thị Thanh H từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 tại Bảo hiểm xã thị xã V, tỉnh Bắc Giang (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở V, tỉnh Bắc Ninh) theo Sổ bảo hiểm xã hội số 2413012541.

Cùng thời gian đó, thì chị cũng đang là công nhân may và làm việc tại Công ty T (địa chỉ: phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ). Thời gian chị làm việc tại Công ty T từ tháng 01/2012 đến tháng 09/2022 và được Công ty Đ cho chị trong thời gian này theo Sổ bảo hiểm xã hội số 2511008335.

Do đó, hai Sổ bảo hiểm xã hội số 2413012541 (Sổ đóng theo Chứng minh nhân dân của chị cho mượn) và Sổ bảo hiểm xã hội số 2511008335 (Sổ của chị) đều mang tên Đặng Thị Thanh H đã trùng thời gian đóng từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014.

Nhận thấy, việc chị Nguyễn Thị Thu H1 mượn Chứng minh nhân dân của chị để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và tham gia Bảo hiểm xã hội là vi phạm nguyên tắc trung thực, gian dối khi giao kết hợp đồng lao động, đồng thời gây khó khăn trong quá trình tham gia bảo hiểm xã hội và ảnh hưởng đến các quyền lợi bảo hiểm của chị.

Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh tuyên bố Hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 được giao kết giữa Công ty TNHH D và tên người lao động Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) là vô hiệu. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Công ty TNHH D ***do bà*** Thân Thị L ***đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Công ty TNHH D xác nhận công ty có ký hợp đồng lao động số 274 ngày 01/05/2013 với người lao động có thông tin: Họ và tên: Đặng Thị Thanh H sinh năm 1990; số chứng minh nhân dân 132049207; địa chỉ tại K, T, Phú Thọ. Theo đó

chị H có lao động tại công ty từ ngày 01/05/2013 đến ngày 30/04/2014 với vị trí là Công nhân sản xuất.

Ngày 13/02/2014 Công ty TNHH D đã có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 274/QĐ-DW về việc chấm dứt hợp đồng lao động với chị Đặng Thị Thanh H.

Quá trình chị Đặng Thị Thanh H lao động tại công ty, công ty đã thanh toán các khoản lương, phụ cấp, tiền thưởng đầy đủ theo hợp đồng lao động cho chị H. Công ty TNHH D đã thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội cho chị Đặng Thị Thanh H theo đúng quy định của pháp luật tại Bảo hiểm xã hội huyện V (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở V) với thời gian đóng BHXH từ tháng 05/2013 đến hết tháng 01/2014.

Nay chị Đặng Thị Thanh H làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số 274 ngày 01/05/2013 được ký kết giữa chị Đặng Thị Thanh H với Công ty TNHH D là vô hiệu với lý do: người trực tiếp ký hợp đồng lao động với công ty là chị Nguyễn Thị Thu H1 chứ không phải chị Đặng Thị Thanh H. Công ty xét thấy đây là hành vi gian dối của người lao động, chị Đặng Thị Thanh H đã cho chị Nguyễn Thi Thu H2 mượn chứng minh nhân dân của mình để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. Do lượng người lao động tại công ty đông và người lao động cố tình gian dối khi giao kết hợp đồng lao động với Công ty nên Công ty không biết được sự việc này, đây là lỗi của người lao động. Về phía người sử dụng lao động, Công ty TNHH D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của Công ty đối với người lao động Đặng Thị Thanh H (tức chị Nguyễn Thị Thu H1) theo đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, nay chị Đặng Thị Thanh H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tuyên bố hợp đồng lao động số 274 ký ngày 01/05/2013 giữa chị Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) và Công ty TNHH D (Thời gian làm việc từ tháng 05/2013 đến 01/2014) là vô hiệu để chị H thanh toán các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật thì Công ty TNHH D đồng ý với yêu cầu của chị Đặng Thị Thanh H và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh giải quyết theo yêu của chị Đặng Thị Thanh H.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Công ty TNHH D không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu trong vụ việc này.

Tòa án có yêu cầu Công ty cung cấp các tài liệu liên quan đến Đơn yêu cầu của chị Đặng Thị Thanh H: Đối với hợp đồng lao động số 274 ký ngày 01/05/2013 giữa chị Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) và Công ty TNHH D (Thời gian làm việc từ tháng 05/2013 đến 01/2014) hiện nay do thời gian đã lâu nên công ty không còn lưu giữ được. Do vậy công ty không cung cấp được bản gốc hoặc bản sao hợp đồng lao động này cho Tòa án. Căn cứ vào Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 274/QĐ-DW ngày 13/02/2014 của Công ty TNHH D và Quá trình công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Đặng Thị Thanh H thì Công ty khẳng định Công ty có ký hợp đồng lao động số 274 ký ngày 01/05/2013 với người lao động có thông tin Đặng Thị Thanh H như đã nêu ở trên. Công ty xác nhận bản sao công chứng hợp đồng lao động số 274 ký ngày 01/05/2013 và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 274/QĐ-DW ngày 13/02/2014 như chị Đặng Thị Thanh H cung cấp cho Tòa án là đúng.

Ngoài ra công ty không có ý kiến gì, không có đề nghị gì và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác. Do điều kiện công việc của Công ty nên dù đã nhận được Thông báo mở phiên họp giải quyết việc lao động của Tòa án nên phía Công ty đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh cho người đại diện của Công ty TNHH D được vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc lao động.

2. Bảo hiểm cơ sở V, tỉnh Bắc Ninh ***do ông*** Nguyễn Văn S ***là người đại diện theo pháp luật trình bày:***

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu của Chị ***Đặng Thị Thanh H***, sinh ngày 01/12/1990; Địa chỉ: ***Khu A, xã Đ, tỉnh Phú Thọ***; Số CMND 132049207 cấp ngày 14/6/2007 cho thấy, chị ***H*** có thông tin nêu trên có được ***Công ty TNHH D***; địa chỉ trụ sở: ***Lô F KCN S - N, phường T, tỉnh Bắc Ninh*** tham gia và đóng BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), với mã số BHXH 2413012541 từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014.

Nay chị Đặng Thị Thanh H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh tuyên bố hợp đồng lao động số hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 giữa Công ty TNHH D và chị Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) là vô hiệu với lý do: người trực tiếp ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D là chị Nguyễn Thị Thu H1 chứ không phải chị Đặng Thị Thanh H. Nhận thấy đây là hành vi gian dối của người lao động, chị Đặng Thị Thanh H đã cho chị Nguyễn Thị Thu H1 mượn chứng minh nhân dân của mình để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. Đây là lỗi của người lao động nên dẫn đến việc có sự chồng chéo về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Do vậy Bảo hiểm xã hội cơ sở V đồng ý với yêu cầu của chị Đặng Thị Thanh H và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Bắc Ninh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội cơ sở V không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu trong vụ việc này.

Do điều kiện công việc của đơn vị rất bận, Bảo hiểm xã hội cơ sở V đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh cho người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội thị xã V được vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc lao động.

3. Chị Nguyễn Thị Thu H1 ***trình bày:***

Vào khoảng đầu năm 2013, do điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên chị khi đó chưa đủ 18 tuổi cần việc làm để kiếm thêm thu nhập phụ giúp kinh tế cho gia đình. Vậy nên, chị đã mượn Chứng minh nhân dân (số 132049207 do Công an tỉnh P cấp ngày 14/6/2007) mang thông tin của chị Đặng Thị Thanh H (đủ 18 tuổi) để xin việc làm.

Cụ thể: Ngày 01/5/2013 chị có sử dụng chứng minh nhân dân số 132049207 do Công an tỉnh P cấp ngày 14/6/2007 mang tên chị Đặng Thị Thanh H để ký hợp đồng lao động số 274 với Công ty cổ phần D. Tên chị H nhưng người ký hợp đồng là chị và người làm việc tại Công ty D cũng là chị. Theo hợp đồng lao động này, chị làm việc tại công ty D từ tháng 01/5/2013 đến tháng 13/2/2014 với vị trí là Công nhân sản xuất. Ngày 13/2/2014 Công ty D đã có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 274 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với chị nhưng tên người lao động trong Quyết định là chị Đặng Thị Thanh H

Trong thời gian từ tháng 01/5/2013 đến tháng 13/2/2014 Công ty D đã thanh toán cho chị đầy đủ các quyền lợi của người lao động gồm các khoản lương, thưởng và đóng bảo hiểm xã hội cho chị dưới tên và số chứng minh nhân dân của chị Đặng Thị Thanh H với số sổ bảo hiểm xã hội 2413012541. Từ sau khi chị nghỉ việc tại công ty cổ phần D đến nay chị chưa làm thủ tục thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội lần nào.

Cùng trong thời gian này chị Đặng Thị Thanh H cũng ký hợp đồng lao động và làm việc tại công ty T và cũng được công ty T đóng bảo hiểm xã hội cho chị Hằng số sổ bảo hiểm 2511008335.

Tháng 9/2022 chị Đặng Thị Thanh H nghỉ việc tại Công ty T và cũng được công ty T đóng bảo hiểm xã hội cho chị H làm thủ tục chốt sổ bảo hiểm xã hội với thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại tại Công ty T (từ năm tháng 01/2012 đến 21/9/2022).

Tháng 01/2025 chị H đi mua bảo hiểm xã hội tự nguyện thì Bảo hiểm xã hội có trả lời là hiện nay chị H có hai sổ bảo hiểm hai Sổ bảo hiểm xã hội số 2413012541 (Sổ đóng theo Chứng minh nhân dân của tôi cho mượn) và Sổ bảo hiểm xã hội số 2511008335 (Sổ của chị) đều mang tên Đặng Thị Thanh H đã trùng thời gian đóng từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014 nên khó khăn trong việc hưởng các chế độ bảo hiểm sau này.

Nay chị Đặng Thị Thanh H yêu cầu Hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 được giao kết giữa Công ty TNHH D và tên người lao động Đặng Thị Thanh H (do chị là Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) là vô hiệu thì chị đồng ý với quan điểm của chị H và đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh giải quyết theo yêu cầu của chị H để chị H đi giải quyết thủ tục hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Về phần quyền lợi của chị, chị không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

Do điều kiện công việc của chị bận, chị không thể đến tham gia các buổi làm việc tiếp theo, các phiên họp giải quyết việc lao động theo lịch báo gọi của Tòa án được. Chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các buổi làm việc tiếp theo, các phiên họp giải quyết việc lao động tại Tòa án.

*** Tại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động:**

- Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc lao động Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết việc lao động: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 17, Khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 50, Điều 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Đặng Thị Thanh H về việc tuyên bố hợp đồng lao động số Hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 được giao kết giữa Công ty TNHH D và tên người lao động Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) là vô hiệu.

2. Về lệ phí: chị Đặng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc lao động nhưng được trừ vào số tiền 300.000 tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh H3 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tuyên bố hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 được giao kết giữa Công ty TNHH D và tên người lao động Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) là vô hiệu là quan hệ pháp luật về lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy Công ty TNHH D có địa chỉ Lô F KCN Song Khê - N, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên họp, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Toà án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành phiên họp giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H3 theo quy định Khoản 2, Khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tham gia tố tụng các đương sự thống nhất trình bày: Ngày 01/5/2013, người người lao động Đặng Thị Thanh H có chứng minh nhân dân số 132049207 do Công an tỉnh P cấp ngày 14/6/2007 có ký hợp đồng lao động số 274 với Công ty cổ phần D với vị trí Công nhân sản xuất, thời gian từ 01/5/2013 đến tháng 13/2/2014. Trên cơ sở hợp đồng lao động này, người lao động tên Đặng Thị Thanh H được Công ty cổ phần D thanh toán đầy đủ các quyền lợi của người lao động gồm các khoản lương, thưởng và đóng bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm xã hội 2413012541. Tuy nhiên, chị Đặng Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị Thu H1 đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động trên với Công ty cổ phần D và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ 01/5/2013 đến tháng 13/2/2014 là chị Nguyễn Thị Thu H1 chứ không phải chị Đặng Thị Thanh H do chị H đã cho chị H1 mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của chị H và chị H1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội. Cụ thể cùng trong thời gian này chị Đặng Thị Thanh H cũng ký hợp đồng lao động và làm việc tại công ty T và cũng được công ty T đóng bảo hiểm xã hội cho chị Hằng số sổ bảo hiểm 2511008335.

[2.2] Việc chị Nguyễn Thị Thu H1 sử dụng chứng minh nhân dân của chị Đặng Thị Thanh H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần D là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012 nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012. Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội cơ sở V, tỉnh Bắc Ninh đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Đặng Thị Thanh H bị trùng từ tháng 05/2013 đến tháng 01/2014.

[2.3] Từ những phân tích trên, xét thấy chị Đặng Thị Thanh H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số Hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 được giao kết giữa Công ty TNHH D và tên người lao động Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) vô hiệu là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 122, Điều 127 và Điều 407 Bộ luật Dân sự.

[3] Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Đặng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng được trừ vào số tiền 300.000 tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo Biên lai thu số 0000363 ngày 21/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Đặng Thị Thanh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, điểm d Khoản 2 Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 401, Điều 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 122, Điều 127 và Điều 407 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 17, Khoản 2 Điều 19, khoản 1 Điều 50, Điều 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Đặng Thị Thanh H về việc tuyên bố Hợp đồng lao động số 274 ngày 01/5/2013 được giao kết giữa Công ty TNHH D và tên người lao động Đặng Thị Thanh H (do chị Nguyễn Thị Thu H1 ký kết) là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị Đặng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng được trừ vào số tiền 300.000 tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo Biên lai thu số 0000363 ngày 21/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Đặng Thị Thanh H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 1- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thanh Hoa